

Số: 1840 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 03 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đất và cho Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Mỹ Lệ
thuê đất để thực hiện dự án xây dựng Chợ Bù Na (giai đoạn 1).

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 513/TTr-STNMT ngày 21/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao đất và cho Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Mỹ Lệ thuê đất với diện tích là 10.992,1 m² (Mười nghìn chín trăm chín mươi hai phẩy một mét vuông) để xây dựng Chợ Bù Na (giai đoạn 1), cụ thể như sau:



a) Giao đất để quản lý xây dựng đường giao thông, trồng cây xanh với diện tích 4.123,8 m², trong đó:

+ Đường giao thông: 3.856,6 m² (trong đó có 29,5 m² đất thuộc hành lang bảo vệ suối).

+ Trồng cây xanh: 267,2 m² (trong đó có 129 m² đất thuộc hành lang bảo vệ suối).

b) Giao đất có thu tiền sử dụng đất để xây dựng nhà ở với diện tích 2.780,3 m².

c) Cho thuê đất trả tiền một lần với diện tích 4.088 m² để xây dựng chợ và văn phòng Ban quản lý chợ.

(có biểu chi tiết kèm theo)

- Khu đất tọa lạc tại: Xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Vị trí, ranh giới khu đất: Được xác định theo mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/500 do Công ty TNHH MTV Thương mại Thái Huy thực hiện ngày 18/7/2019, đã được Chi cục Quản lý đất đai kiểm tra kỹ thuật ngày 22/7/2019.

- Mục đích sử dụng: *(có biểu chi tiết kèm theo)*.

- Thời hạn sử dụng đất: 50 (năm mươi) năm, kể từ ngày có Quyết định giao đất, cho thuê đất.

- Tiền thuê đất, tiền sử dụng đất: Do cơ quan có thẩm quyền xác định.

- Nguồn gốc đất: Thuộc đất của 08 hộ dân, đã được UBND huyện Bù Đăng thu hồi để thực hiện dự án Chợ Bù Na. Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Mỹ Lệ đã được UBND huyện Bù Đăng phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư tại Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 09/5/2016. Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Mỹ Lệ đã hoàn thành việc bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất cho 08 hộ dân.

Điều 2. Sau khi có Quyết định, các cơ quan, đơn vị sau đây có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai lập hồ sơ xác định thông tin địa chính về thửa đất gửi đến cơ quan có thẩm quyền để xác định nghĩa vụ tài chính mà Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Mỹ Lệ phải nộp và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

b) Chi cục Quản lý đất đai phối hợp các đơn vị có liên quan bàn giao đất ngoài thực địa

2. Cục Thuế tỉnh phối hợp với các cơ quan có liên quan thông báo các khoản nghĩa vụ tài chính mà Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Mỹ Lệ phải nộp.

3. Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Mỹ Lệ:

a) Chấp hành đúng các quy định về quản lý và sử dụng đất.

b) Nộp tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và các khoản phí, lệ phí khác theo quy định.

c) Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Mỹ Lệ chỉ được chuyển nhượng quyền sử dụng đất khi đã thực hiện hoàn chỉnh dự án và đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 194 của Luật Đất đai và Điều 41, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo đơn vị chuyên môn đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Phục vụ hành chính công Bình Phước; Chủ tịch UBND huyện Bù Đăng, Chủ tịch UBND xã Nghĩa Trung, Giám đốc Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Mỹ Lệ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP, P: KT, TH;
- Lưu: VT.(Trung)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Minh

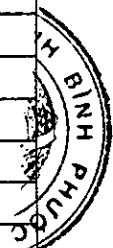
10



**DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT GIAO VÀ CHO CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY
DỰNG MỸ LỆ THUÊ ĐỂ XÂY DỰNG CHỢ BÙ NA**

*(Kèm theo Quyết định số 1840 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2019
của ĐUBN tỉnh Bình Phước.)*

STT	Số cụm	Số lô	Số thửa đất	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng đất
Tổng (I+II+III)				10.992,1	
I. Đất giao quản lý				4.123,8	
1			39	60,6	Đất công trình công cộng khác
2			37	141,4	Đất công trình công cộng khác
3			25	4,0	Đất công trình công cộng khác
4			38	61,2	Đất công trình công cộng khác
5			36	3.856,6	Đất giao thông
II. Đất thuê trả tiền một lần				4.088,0	
6			25	523,6	Đất thương mại, dịch vụ
7			35	3.439,7	Đất thương mại, dịch vụ
8			38	124,7	Đất thương mại, dịch vụ
III. Đất giao có thu tiền sử dụng đất				2.780,3	
9	D	D35	1	158,4	Đất ở tại nông thôn
10	D	D34	2	80,0	Đất ở tại nông thôn
11	D	D33	3	80,0	Đất ở tại nông thôn
12	D	D32	9	80,0	Đất ở tại nông thôn
13	D	D31	10	80,0	Đất ở tại nông thôn
14	D	D30	11	80,0	Đất ở tại nông thôn
15	D	D29	12	80,0	Đất ở tại nông thôn
16	D	D28	13	80,0	Đất ở tại nông thôn
17	D	D27	14	80,0	Đất ở tại nông thôn
18	D	D26	15	80,0	Đất ở tại nông thôn
19	D	D25	16	80,0	Đất ở tại nông thôn
20	D	D24	17	80,0	Đất ở tại nông thôn
21	D	D23	18	80,0	Đất ở tại nông thôn
22	D	D22	19	80,0	Đất ở tại nông thôn
23	D	D21	20	80,0	Đất ở tại nông thôn
24	D	D20	26	80,0	Đất ở tại nông thôn
25	D	D19	27	80,0	Đất ở tại nông thôn
26	D	D18	28	80,0	Đất ở tại nông thôn
27	D	D17	40	67,9	Đất ở tại nông thôn
28	D	D16	29	66,1	Đất ở tại nông thôn
29	D	D15	30	66,8	Đất ở tại nông thôn
30	D	D14	31	67,8	Đất ở tại nông thôn
31	D	D13	32	68,6	Đất ở tại nông thôn
32	D	D12	33	69,6	Đất ở tại nông thôn
33	D	D11	34	74,9	Đất ở tại nông thôn
34	E	E1	4	88,6	Đất ở tại nông thôn
35	E	E2	5	88,9	Đất ở tại nông thôn



STT	Số cụm	Số lô	Số thửa đất	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng đất
36	E	E3	6	88,3	Đất ở tại nông thôn
37	E	E4	7	87,4	Đất ở tại nông thôn
38	E	E5	8	86,9	Đất ở tại nông thôn
39	E	E6	21	86,1	Đất ở tại nông thôn
40	E	E7	22	85,5	Đất ở tại nông thôn
41	E	E8	23	84,6	Đất ở tại nông thôn
42	E	E9	24	83,9	Đất ở tại nông thôn